

Bản án số: 1852/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2022

V/v: *Tranh chấp ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ái Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thân
2. Bà Nguyễn Thị Nhơn

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 0224/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2021, về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 339/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hoàng T (Có đơn đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: Bùi Đình Túy, Phường A, quận B, Thành phố C.

Bị đơn: Ông Trương K (Vắng mặt)

Địa chỉ: Huỳnh Mẫn Đạt, Phường A, quận B, Thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/01/2022, bản tự khai và các và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng T trình bày:

Năm 2016, bà và ông Trương K tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A quận B, Thành phố C và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 85/2016 ngày 27/10/2016. Sau khi kết hôn bà và K chung sống tại địa chỉ: Bùi Đình Túy, Phường A, quận B, Thành phố C. Thời gian đầu, bà và ông Khoa chung sống hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình thay đổi, cả

hai bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã xoay quanh việc xây dựng kinh tế gia đình. Từ tháng 12 năm 2021 bà và ông K sống ly thân. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trương Anh K.

Trong quá trình chung sống, bà và ông K có 02 con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 06/11/2017; Trương Gia C, sinh ngày 01/6/2020. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, bà không yêu cầu ông Trương Anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T khai bà và ông K không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai bà và ông K không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn ông Trương Anh K* đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông K vắng mặt không lý do, không gửi cho Tòa án tài liệu, chứng cứ hay văn bản trình bày ý kiến nên không ghi nhận được ý kiến của ông K.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn tổng đạt Thông báo thụ lý theo quy định tại Điều 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí ly hôn: Nguyên đơn phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Hoàng T và ông Trương Anh K là quan hệ hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường A, quận B: Bị đơn ông Trương Anh K có đăng ký thường trú tại địa chỉ: Huỳnh Mẫn Đạt, Phường A, quận B, Thành phố C và thực tế đang cư trú tại địa chỉ trên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ bị đơn ông Trương Anh K tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử lần thứ nhất vào ngày 25/8/2022 và lần thứ hai vào ngày 19/9/2022 nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Trương Anh K.

Nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 85/2016 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố C cấp ngày 27/10/2016 thể hiện hôn nhân giữa bà Nguyễn Hoàng T và ông Trương Anh K là hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, theo lời khai của bà

T, sau khi kết hôn bà và ông K chung sống hạnh phúc một thời gian, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ tháng 12 năm 2021 đến nay, bà T và ông K đã không còn sống chung với nhau. Trong suốt quá trình tố tụng, bà T xác định không còn tình cảm với ông K.

Tại Công văn số 205/UBND ngày 03/6/2022 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố C: Hiện tại bà Nguyễn Hoàng T và ông Trương Anh K không còn chung sống với nhau tại địa chỉ: Bùi Đình Túy, Phường A, quận B, Thành phố C. Cho thấy hôn nhân giữa bà T và ông K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy bà T có nguyện vọng xin được ly hôn với ông K là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào bản sao Giấy khai sinh và Công văn số 205/UBND ngày 03/6/2022 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố C thì: Bà Nguyễn Hoàng T và ông Trương Anh K có 02 con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 06/11/2017; Trương Gia C, sinh ngày 01/6/2020.

Bà Nguyễn Hoàng T khai từ khi ly thân cho đến nay 02 trẻ Trương Gia H, sinh ngày 06/11/2017; Trương Gia C, sinh ngày 01/6/2020 sống cùng bà tại địa chỉ: Bùi Đình Túy, Phường A, quận B, Thành phố C. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Thy là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà T khai bà và ông K không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà T khai bà và ông K không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Hoàng T phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hoàng T.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Hoàng T và ông Trương Anh K.

1.2 Về việc nuôi con chung: Giao con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 06/11/2017; Trương Gia C, sinh ngày 01/6/2020 cho bà Nguyễn Hoàng T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông Trương Anh K cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trương Anh K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

1.3 Về tài sản chung: Bà Nguyễn Hoàng T khai bà và ông Trương Anh K không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Hoàng T khai bà và ông Trương Anh K không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Hoàng T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0000605 ngày 07/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Hoàng T và ông Trương Anh K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- UBND Phường A, quận B;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ái Long

